

TỔ CÔNG TÁC
CỦA CHÍNH PHỦ VỀ PHÁT TRIỂN
CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC

Số: 40 /QĐ-TCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 07 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế hoạt động của Tổ Công tác
của Chính phủ về phát triển công nghệ chiến lược**



**TỔ TRƯỞNG TỔ CÔNG TÁC
CỦA CHÍNH PHỦ VỀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 23/2023/QĐ-TTg ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành;

Căn cứ Quyết định số 769/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Tổ Công tác của Chính phủ về phát triển công nghệ chiến lược;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động của Tổ Công tác của Chính phủ về phát triển công nghệ chiến lược.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các thành viên Tổ công tác của Chính phủ về phát triển công nghệ chiến lược, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Các thành viên Tổ công tác;
- VPCP: BTCN, PCN Đỗ Ngọc Huỳnh, Trợ lý TTg, các Vụ/Cục: TH, CN, NN, KTTH, CDS;
- Lưu: VT, TCT (2). 30

**TM. TỔ CÔNG TÁC
TỔ TRƯỞNG**

**PHÓ THỦ TƯỚNG
Hồ Quốc Dũng**



**TỔ CÔNG TÁC
CỦA CHÍNH PHỦ VỀ PHÁT TRIỂN
CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CÔNG TÁC
CỦA CHÍNH PHỦ VỀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 40 QĐ-TCT ngày 08 tháng 5 năm 2026 của
Tổ trưởng Tổ Công tác của Chính phủ về phát triển công nghệ chiến lược)*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về nguyên tắc hoạt động, nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ làm việc của Tổ Công tác của Chính phủ về phát triển công nghệ chiến lược (sau đây gọi tắt là Tổ Công tác).

2. Quy chế này áp dụng đối với các thành viên Tổ Công tác và các bộ, cơ quan, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động

1. Tổ Công tác làm việc theo chế độ kiêm nhiệm; thực hiện chức năng tham mưu, tổng hợp, điều phối liên ngành; không làm thay chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các bộ, cơ quan, địa phương.

2. Tổ Công tác hoạt động theo nguyên tắc tập trung, thống nhất; chịu sự chỉ đạo của Tổ trưởng Tổ Công tác; các thành viên thực hiện nhiệm vụ theo phân công và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện.

3. Hoạt động của Tổ Công tác gắn với nhiệm vụ cụ thể, kết quả đầu ra, tiến độ thực hiện và nguồn lực bảo đảm; không chồng chéo, trùng lặp trong xác định và triển khai nhiệm vụ công nghệ chiến lược; phân định rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và trách nhiệm theo chức năng, thẩm quyền; tuân thủ quy định của pháp luật và không làm phát sinh tổ chức bộ máy.

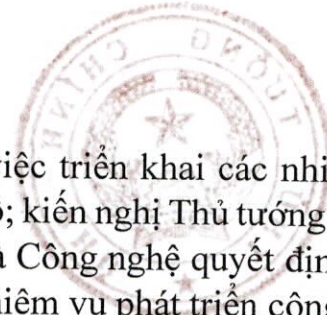
Điều 3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổ Công tác

1. Nhiệm vụ của Tổ Công tác

a) Căn cứ tình hình phát triển kinh tế - xã hội theo từng giai đoạn, Tổ Công tác rà soát, đánh giá, đề xuất việc sửa đổi, bổ sung Danh mục công nghệ chiến lược và Danh mục sản phẩm công nghệ chiến lược (Danh mục); báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

b) Rà soát thể chế, đề xuất cơ chế, chính sách đặc thù để triển khai công nghệ chiến lược; báo cáo Thủ tướng Chính phủ hoặc cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

c) Tổng hợp, đề xuất nhiệm vụ công nghệ chiến lược; điều phối triển khai; đề xuất huy động sự tham gia của các bộ, cơ quan, địa phương, doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân liên quan.



d) Theo dõi, đôn đốc, giám sát và đánh giá việc triển khai các nhiệm vụ công nghệ chiến lược theo từng giai đoạn, mốc tiến độ; kiến nghị Thủ tướng Chính phủ quyết định hoặc giao Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định việc phê duyệt, điều chỉnh, gia hạn, tạm dừng, đình chỉ nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược do bộ, cơ quan trung ương đề xuất thuộc Danh mục.

đ) Tổng hợp nhu cầu, đề xuất bố trí nguồn lực; theo dõi, kiến nghị xử lý vướng mắc trong giải ngân; rà soát, tổng hợp khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp xử lý theo quy định của pháp luật.

e) Tổng hợp nhu cầu, đề xuất bố trí nguồn lực; theo dõi, kiến nghị xử lý vướng mắc trong giải ngân; rà soát, tổng hợp khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp xử lý theo quy định của pháp luật.

g) Rà soát, đề xuất cơ chế, chính sách và điều phối với các bộ, cơ quan liên quan để hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam tiếp cận, nhận chuyển giao, mua lại công nghệ, tài sản trí tuệ hoặc doanh nghiệp công nghệ ở nước ngoài theo quy định.

h) Thực hiện nhiệm vụ khác theo phân công của Thủ tướng Chính phủ.

2. Quyền hạn của Tổ Công tác

a) Yêu cầu các bộ, cơ quan, địa phương và tổ chức liên quan cung cấp thông tin, tài liệu, số liệu phục vụ công tác tham mưu, theo dõi, giám sát.

b) Tổ chức họp, làm việc, hội nghị; khảo sát, kiểm tra thực tế để phục vụ rà soát, đánh giá và điều phối triển khai nhiệm vụ.

c) Mời chuyên gia, tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp tham gia tư vấn, phản biện, hỗ trợ triển khai nhiệm vụ.

d) Đề xuất, kiến nghị Thủ tướng Chính phủ hoặc cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định cơ chế, chính sách, nhiệm vụ và giải pháp; kiến nghị sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật và xử lý các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai công nghệ chiến lược.

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ trưởng, Tổ phó và các thành viên Tổ Công tác

1. Tổ trưởng Tổ Công tác

a) Chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về hoạt động và kết quả thực hiện nhiệm vụ của Tổ Công tác.

b) Chỉ đạo, điều hành toàn diện về hoạt động của Tổ Công tác; quyết định chương trình, kế hoạch công tác; phân công nhiệm vụ cho Tổ phó và các thành viên Tổ Công tác.

c) Chỉ đạo rà soát, tổng hợp, đề xuất về Danh mục, cơ chế, chính sách, nhiệm vụ và nguồn lực công nghệ chiến lược.

d) Chủ trì hoặc phân công chủ trì cuộc họp, buổi làm việc; chỉ đạo điều phối, xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vấn đề phát sinh.

đ) Chỉ đạo xây dựng báo cáo, kiến nghị, đề xuất trình Thủ tướng Chính phủ; quyết định sửa đổi, bổ sung Quy chế khi cần thiết.

2. Tổ phó Tổ Công tác

a) Giúp Tổ trưởng Tổ Công tác điều hành hoạt động của Tổ Công tác theo phân công hoặc ủy quyền.

b) Chỉ đạo chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu, báo cáo và dự thảo kết luận tại các cuộc họp của Tổ Công tác.

c) Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình thực hiện nhiệm vụ; báo cáo, đề xuất Tổ trưởng Tổ Công tác xử lý vấn đề phát sinh.

d) Chủ trì cuộc họp, buổi làm việc hoặc nội dung chuyên đề khi được phân công.

đ) Chịu trách nhiệm trước Tổ trưởng Tổ Công tác về tiến độ, chất lượng, kết quả nhiệm vụ được giao; thực hiện nhiệm vụ khác do Tổ trưởng Tổ Công tác phân công.

3. Các thành viên Tổ Công tác

a) Thực hiện nhiệm vụ theo phân công; tham gia hoạt động của Tổ Công tác.

b) Chủ động rà soát, đề xuất nội dung thuộc ngành, lĩnh vực hoặc cơ quan mình phụ trách.

c) Chỉ đạo đơn vị thuộc phạm vi quản lý phối hợp, cung cấp thông tin, tài liệu, số liệu phục vụ hoạt động của Tổ Công tác.

d) Tham gia ý kiến, phối hợp xử lý nội dung liên ngành; báo cáo, đề xuất giải pháp đối với khó khăn, vướng mắc phát sinh.

đ) Chịu trách nhiệm trước Tổ trưởng Tổ Công tác và trước pháp luật về nội dung tham mưu, báo cáo và kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan thường trực

1. Bộ Khoa học và Công nghệ là Cơ quan thường trực của Tổ Công tác; sử dụng bộ máy hiện có, không làm phát sinh tổ chức bộ máy mới.

2. Cơ quan thường trực là đầu mối giúp việc, tổng hợp, điều phối hoạt động của Tổ Công tác, có trách nhiệm:

a) Chủ trì tham mưu chương trình, kế hoạch công tác; đề xuất nội dung về Danh mục, cơ chế, chính sách, nhiệm vụ và nguồn lực;

b) Chuẩn bị nội dung, tài liệu, dự thảo kết luận; tổ chức các hoạt động của Tổ Công tác;

c) Tiếp nhận, tổng hợp đề xuất, kiến nghị; rà soát, phân loại và đề xuất phương án xử lý;

d) Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình thực hiện; báo cáo, đề xuất xử lý các vấn đề phát sinh;

đ) Xây dựng báo cáo; theo dõi, quản lý tiến độ, kết quả thực hiện nhiệm vụ;

e) Tham mưu điều phối liên ngành; đề xuất kết nối, huy động sự tham gia của các bộ, cơ quan, địa phương, doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân liên quan;

g) Bảo đảm điều kiện hoạt động của Tổ Công tác theo quy định của pháp luật; thực hiện nhiệm vụ khác theo phân công.

Điều 6. Chế độ làm việc và cơ chế phối hợp

1. Tổ Công tác làm việc theo chế độ kiêm nhiệm; hoạt động theo chương trình, kế hoạch và nhiệm vụ do Tổ trưởng Tổ Công tác quyết định.

2. Tổ Công tác làm việc thông qua các hình thức: họp trực tiếp hoặc trực tuyến, làm việc chuyên đề, khảo sát thực tế, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức phù hợp khác.

3. Tổ Công tác họp định kỳ hằng quý hoặc đột xuất theo quyết định của Tổ trưởng Tổ Công tác; Tổ trưởng Tổ Công tác quyết định thành phần tham dự.

4. Các bộ, cơ quan, địa phương có trách nhiệm phối hợp, cung cấp thông tin, tham gia ý kiến và thực hiện nội dung được phân công theo thẩm quyền; cử đầu mối làm việc với Tổ Công tác.

5. Cơ quan thường trực là đầu mối điều phối; tiếp nhận, tổng hợp, rà soát, đề xuất phương án xử lý; theo dõi, đôn đốc việc thực hiện.

6. Kết luận của Tổ Công tác được ban hành bằng văn bản theo quy định và là căn cứ để các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện.

Điều 7. Chế độ thông tin, báo cáo

1. Cơ quan thường trực Tổ Công tác định kỳ hằng tháng báo cáo Tổ trưởng Tổ Công tác, Thủ tướng Chính phủ, Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về tình hình, kết quả thực hiện; thực hiện báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

2. Các bộ, cơ quan, địa phương có trách nhiệm cập nhật thông tin, báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu.

3. Việc cung cấp thông tin, phát ngôn và truyền thông về hoạt động của Tổ Công tác thực hiện theo quy định của pháp luật và quyết định của Tổ trưởng Tổ Công tác.

Điều 8. Kinh phí và điều kiện hoạt động

1. Kinh phí hoạt động của Tổ Công tác được bảo đảm từ ngân sách nhà nước, bố trí trong dự toán hằng năm của Cơ quan thường trực theo quy định của pháp luật; kinh phí hoạt động của thành viên do cơ quan, đơn vị cử thành viên bảo đảm.

2. Việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật, bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả.

3. Cơ quan thường trực và các thành viên Tổ Công tác sử dụng bộ máy, nhân lực, cơ sở vật chất và điều kiện sẵn có để thực hiện nhiệm vụ; không làm phát sinh tổ chức bộ máy mới.

4. Cơ quan thường trực bảo đảm điều kiện cần thiết phục vụ hoạt động của Tổ Công tác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Tổ trưởng Tổ Công tác chỉ đạo, điều hành việc thực hiện Quy chế này.

2. Cơ quan thường trực là đầu mối theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình thực hiện; kịp thời báo cáo, đề xuất xử lý các vấn đề phát sinh.

3. Tổ phó, thành viên Tổ Công tác và các cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế; phối hợp, cung cấp thông tin và chịu trách nhiệm về nội dung thuộc phạm vi phụ trách.

4. Vương mắc phát sinh được tổng hợp, báo cáo Tổ trưởng Tổ Công tác xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

5. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế do Tổ trưởng Tổ Công tác xem xét, quyết định trên cơ sở đề xuất của Cơ quan thường trực.